

QUY ĐỊNH
TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN HỌC SINH VÀO LỚP 6 NĂM HỌC 2026–2027 ĐỐI
VỚI ĐỐI TƯỢNG 1 CỦA TRƯỜNG THCS THSP LÝ TỰ TRỌNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 98 /QĐ-LTT ngày 24 tháng 05 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường THCS THSP Lý Tự Trọng)*

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định tiêu chí xét tuyển học sinh vào lớp 6 năm học 2026–2027 đối với đối tượng 1 theo Quy định tuyển sinh của Trường THCS THSP Lý Tự Trọng.

Điều 2. Nguyên tắc xét tuyển

Đảm bảo các quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Đảm bảo thực hiện việc xét tuyển công bằng, khách quan, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, xác định được thành tích học tập, rèn luyện theo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự tiến bộ của học sinh.

CHƯƠNG II
TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM VÀ CÁCH XÉT TUYỂN

Điều 3. Tiêu chí đánh giá quá trình 5 năm học tiểu học

Đánh giá quá trình 5 năm học tiểu học (thông qua đánh giá kết quả giáo dục cuối năm trong 5 năm học tiểu học): **quy đổi tối đa là 45 điểm**

-Học sinh đạt mức "Hoàn thành xuất sắc"

Mỗi năm học, học sinh đạt mức "Hoàn thành xuất sắc" (quy đổi 09 điểm/năm). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức Hoàn thành xuất sắc: **đạt điểm tối đa 45 điểm.**

-Học sinh đạt mức "Hoàn thành tốt"

Mỗi năm học, học sinh đạt mức "Hoàn thành tốt" (quy đổi 5 điểm/năm). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức "Hoàn thành tốt": **đạt điểm tối đa 25 điểm.**

-Học sinh đạt mức "Hoàn thành"

Mỗi năm học, học sinh đạt mức "Hoàn thành" (quy đổi 3 điểm/năm). Nếu học sinh có 5 năm được đánh giá ở mức "Hoàn thành": **đạt điểm tối đa 15 điểm.**

Tổng số điểm đánh giá quá trình 5 năm tiểu học (ĐGQT) sẽ bằng tổng điểm của 5 năm học cộng dồn từ lớp 1 đến lớp 5.

$$\text{Tổng}_{\text{ĐGQT}} = \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 1} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 2} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐGQT}} \text{ LỚP 5}$$

Điều 4. Tiêu chí kết quả kiểm tra định kỳ cuối năm học

Kết quả kiểm tra định kỳ cuối năm học (của 5 năm học cấp tiểu học): quy đổi tối đa là 23 điểm

- Điểm bài kiểm tra định kỳ cuối năm của các môn học theo từng khối lớp, cụ thể:

- + Lớp 1: môn Toán và Tiếng Việt.
- + Lớp 2: môn Toán và Tiếng Việt.
- + Lớp 3: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học.
- + Lớp 4: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học, Lịch sử và Địa lý, Khoa học.
- + Lớp 5: môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Công nghệ, Tin học, Lịch sử và Địa lý, Khoa học.

- Mỗi môn học đạt 10 điểm (*quy đổi 01 điểm/môn*).
- Mỗi môn học đạt 9 điểm (*quy đổi 0,9 điểm/môn*).
- Mỗi môn học đạt 8 điểm (*quy đổi 0,8 điểm/môn*).
- Mỗi môn học đạt 7 điểm (*quy đổi 0,7 điểm/môn*).
- Mỗi môn học đạt 6 điểm (*quy đổi 0,6 điểm/môn*).
- Mỗi môn học đạt 5 điểm (*quy đổi 0,5 điểm/môn*).

Tổng điểm phần kiểm tra định kỳ cuối năm học (ĐKCN) của 5 năm bằng tổng điểm của các môn học được quy đổi trong 5 năm cộng dồn từ lớp 1 đến lớp 5.

$$\begin{aligned} \text{Tổng}_{\text{ĐKCN}} = & \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 1} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 1} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 2} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 2} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 3} \\ & + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG ANH LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ CÔNG NGHỆ LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIN HỌC LỚP 3} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG ANH LỚP 4} \\ & + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ CÔNG NGHỆ LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIN HỌC LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ KHOA HỌC LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ LỊCH SỬ ĐỊA LÝ LỚP 4} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TOÁN LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG VIỆT LỚP 5} \\ & + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIẾNG ANH LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ CÔNG NGHỆ LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ TIN HỌC LỚP 5} + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ KHOA HỌC LỚP 5} \\ & + \text{Điểm}_{\text{ĐKCN}} \text{ LỊCH SỬ ĐỊA LÝ LỚP 5}. \end{aligned}$$

Điều 5. Tiêu chí đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh

- **Xét kết quả những phẩm chất chủ yếu (10 điểm):** Yêu nước/nhân ái/chăm chỉ/trung thực/trách nhiệm (ở mỗi phẩm chất, nếu mức “tốt” quy đổi 2 điểm; mức “đạt” quy đổi 1 điểm)

- **Xét kết quả năng lực (22 điểm)**

+ **Năng lực chung: 6 điểm**, bao gồm 03 nhóm năng lực: năng lực tự chủ và tự học/giao tiếp và hợp tác/giải quyết vấn đề và sáng tạo (ở mỗi năng lực, mức “tốt” quy đổi 2 điểm; mức “đạt” quy đổi 1 điểm).

+ **Năng lực đặc thù: 14 điểm**, bao gồm 07 năng lực: ngôn ngữ/tính toán/khoa học/công nghệ/tin học/thẩm mỹ/thể chất (ở mỗi năng lực đặc thù, mức “tốt” quy đổi 2 điểm; mức “đạt” quy đổi 1 điểm).

+ **Năng lực, phẩm chất nổi trội (quy đổi tối đa 2 điểm)**

Chỉ xem xét quy đổi điểm đối với học sinh có thành tích, giấy khen, bằng khen từ cấp tỉnh trở lên hoặc do Sở GDĐT/Bộ GDĐT tổ chức, phối hợp tổ chức theo quy mô toàn tỉnh, toàn quốc; mỗi học sinh chỉ được chọn **01 lần** và **01 thành tích cao nhất** để quy đổi điểm.

Nhóm ưu tiên 1: Học sinh đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia do Sở GDĐT/Bộ GDĐT tổ chức hoặc phối hợp với các sở, ngành tổ chức trên quy mô toàn tỉnh, toàn quốc: giải Nhất được cộng 1 điểm; giải Nhì được cộng 0,75 điểm; giải Ba được cộng 0,5 điểm; giải Khuyến khích được cộng 0,25 điểm.

Nhóm ưu tiên 2: Học sinh có bằng khen, giấy khen từ cấp tỉnh trở lên liên quan đến năng khiếu văn hóa, nghệ thuật, thể thao; các giải thưởng, thành tích đạt được trong các cuộc thi, hoạt động; tham gia hoạt động Đội, Sao, câu lạc bộ, tổ chức trong trường, hoạt động tình nguyện, vì cộng đồng: bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh/Bộ GDĐT được cộng 1 điểm; giấy khen của Sở GDĐT hoặc giấy khen của các sở, ngành được cộng 0,75 điểm.

* Lưu ý: Cả 02 nhóm ưu tiên được cộng không quá 2 điểm.

Điều 6. Tiêu chí ưu tiên và tiêu chí xét tuyển bổ sung

a) Trong trường hợp tiêu chí xét tuyển (của 03 phần) có tổng điểm quy đổi bằng nhau thì tính điểm ưu tiên

Đối tượng ưu tiên: Điểm ưu tiên được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 (mười). Trong đó, nhóm 1: được cộng 1 điểm; nhóm 2 được cộng 0,75 điểm;

+ **Nhóm ưu tiên 1:** Con thương binh, liệt sĩ; con Anh hùng Lực lượng vũ trang; con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

+ **Nhóm ưu tiên 2:** Học sinh dân tộc thiểu số.

b) Trường hợp tiêu chí xét tuyển (của 03 phần) có tổng số điểm quy đổi bằng nhau, tiêu chí ưu tiên xét tuyển cũng bằng nhau.

Nhà trường xét tuyển căn cứ vào điểm trung bình môn Toán và môn Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5; trường hợp cần xác định thứ tự ưu tiên, kết quả học tập được xem xét lần lượt từ lớp 5, lớp 4, lớp 3, lớp 2 đến lớp 1. Trường hợp học sinh có kết quả xét tuyển bằng nhau, nhà trường tổ chức phỏng vấn, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm hoặc hình thức phù hợp khác theo điều kiện thực tế và định hướng phát triển của nhà trường.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Hội đồng tuyển sinh Trường THCS THSP Lý Tự Trọng năm học 2026–2027 chịu trách nhiệm tổ chức xét tuyển theo Quy định này; cha mẹ học sinh, học sinh đăng ký tuyển sinh có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, minh chứng và thực hiện theo tiêu chí xét tuyển đã được công khai.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Quy định này được áp dụng trong công tác xét tuyển học sinh vào lớp 6 năm học 2026–2027 đối với đối tượng 1 của Trường THCS THSP Lý Tự Trọng. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, Hội đồng tuyển sinh báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.
